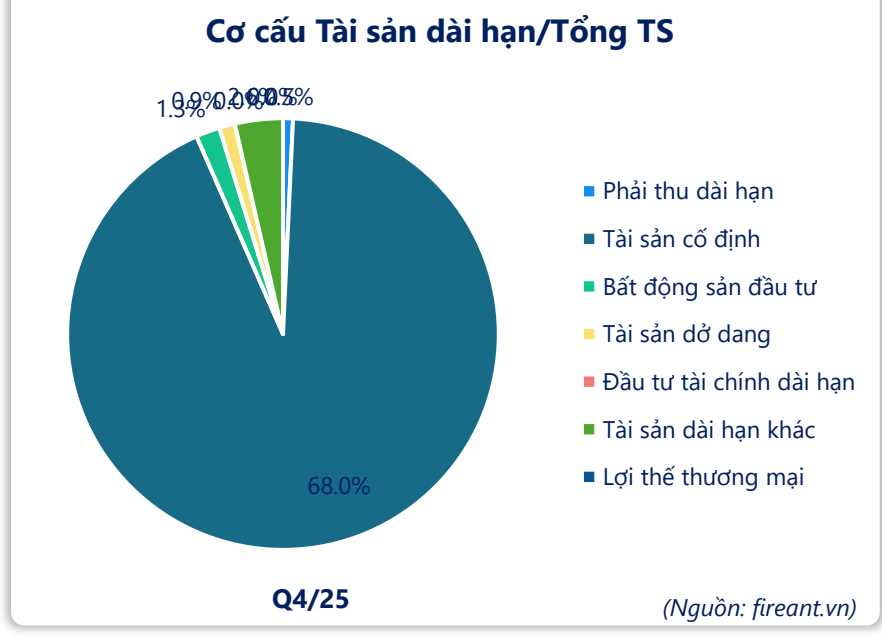
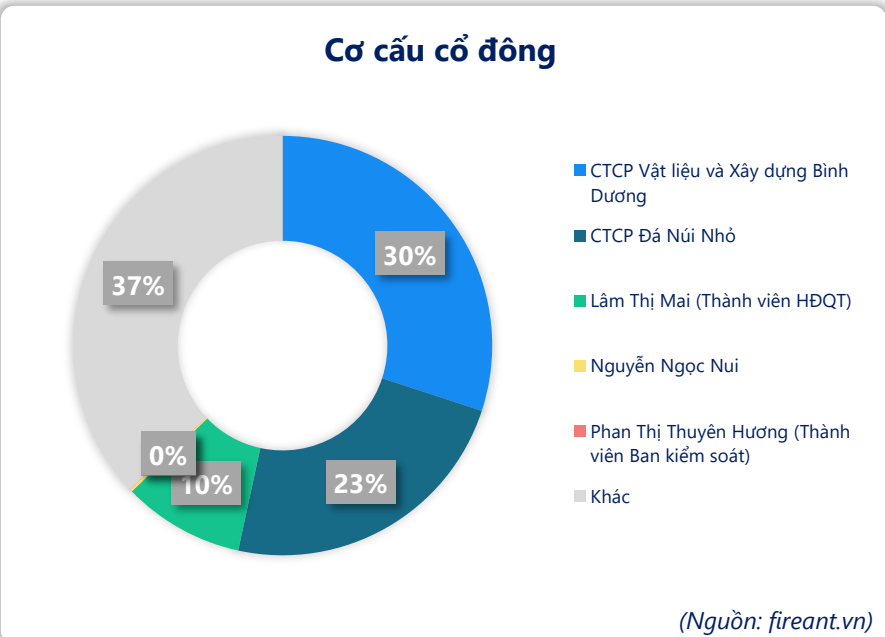
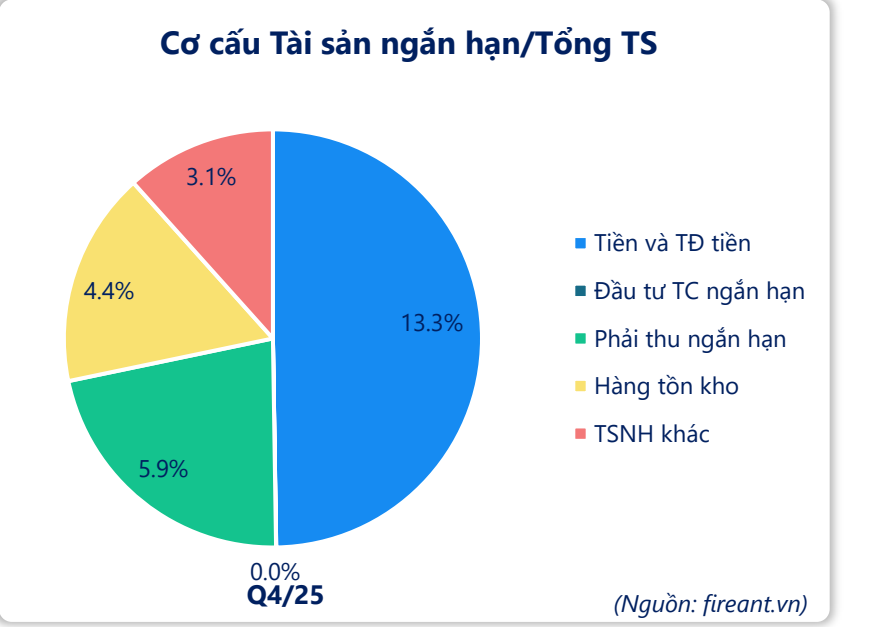
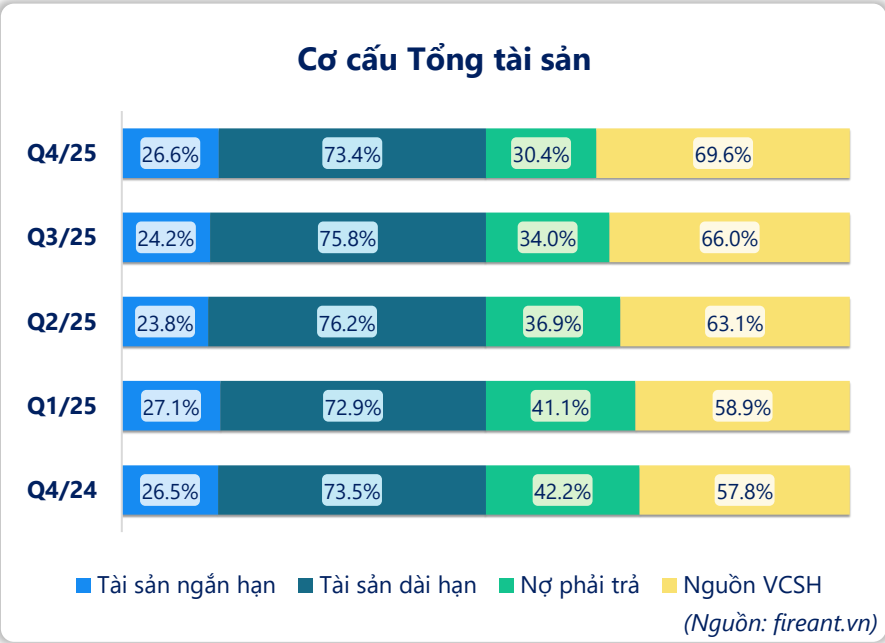
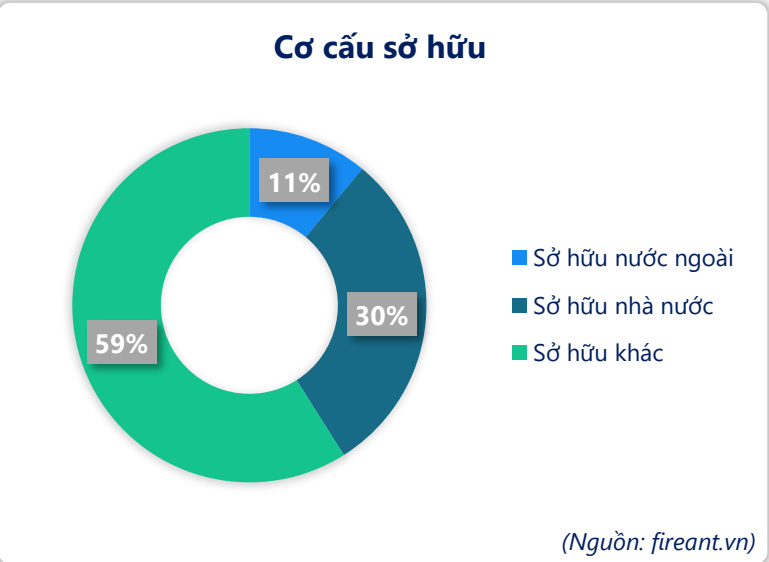
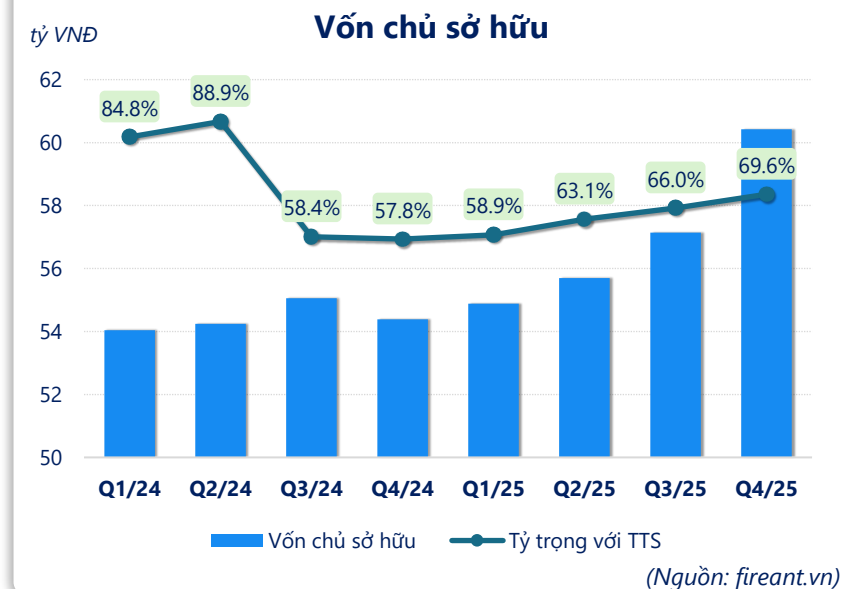
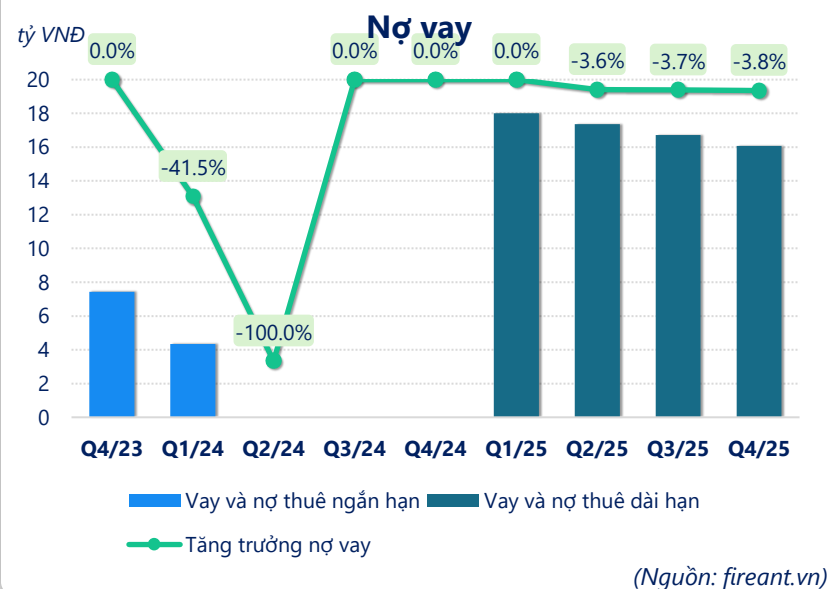
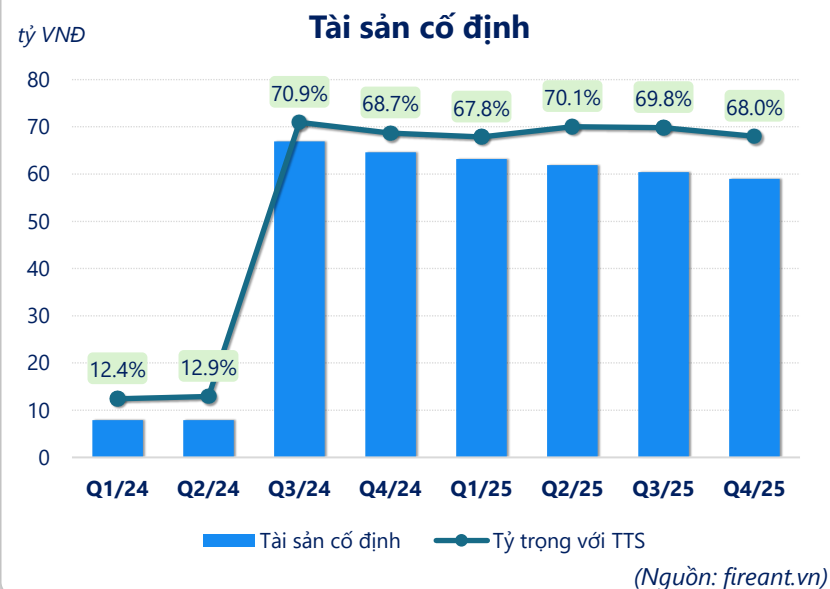
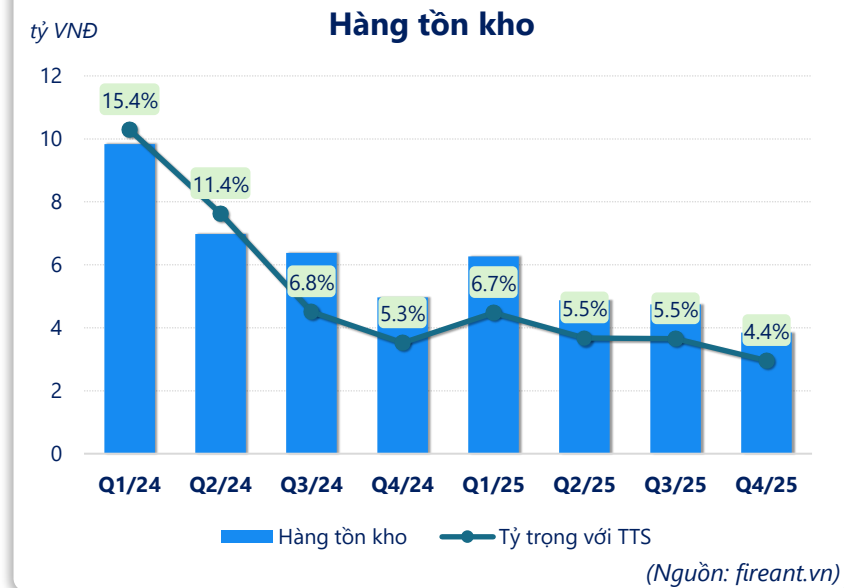
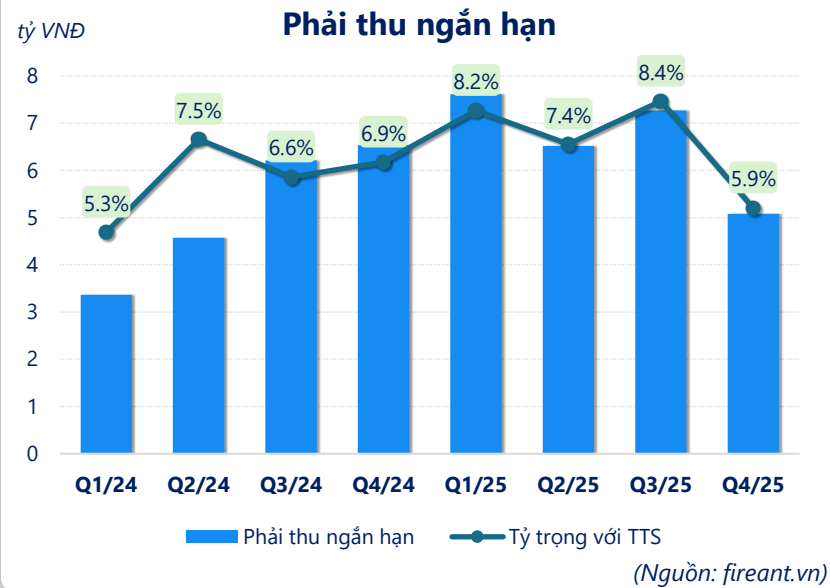
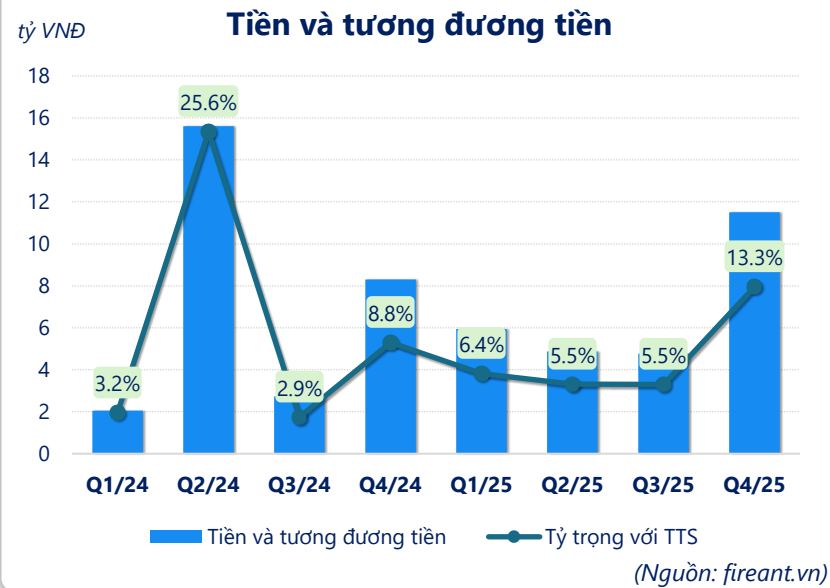
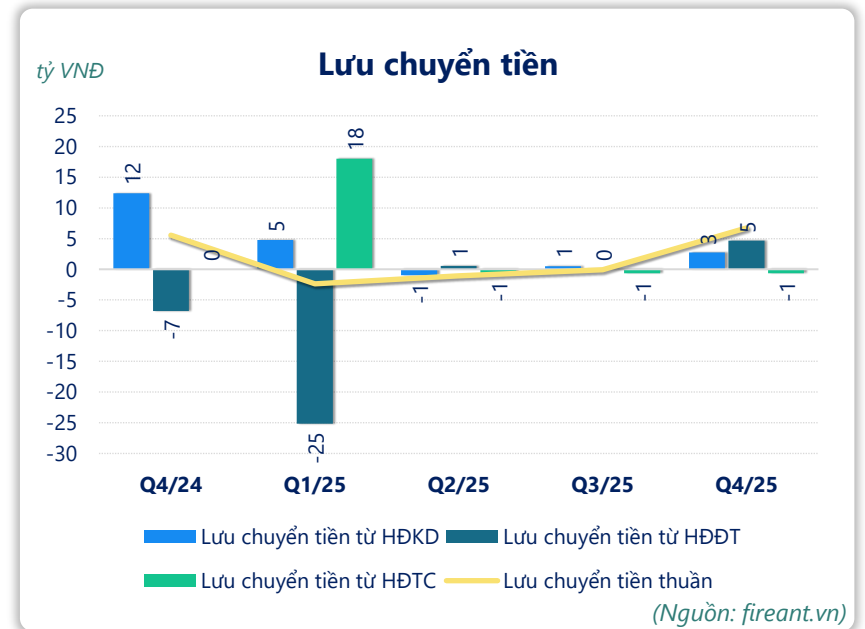
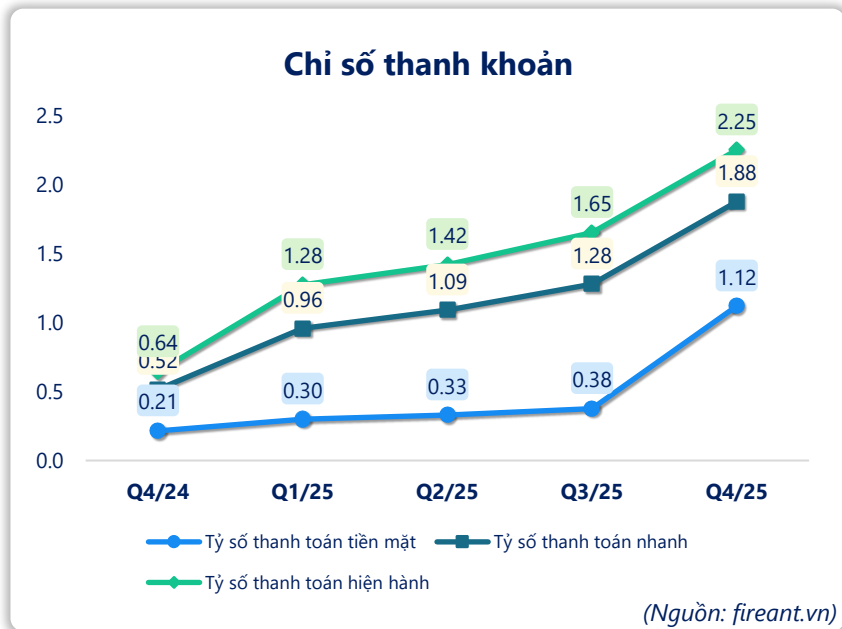
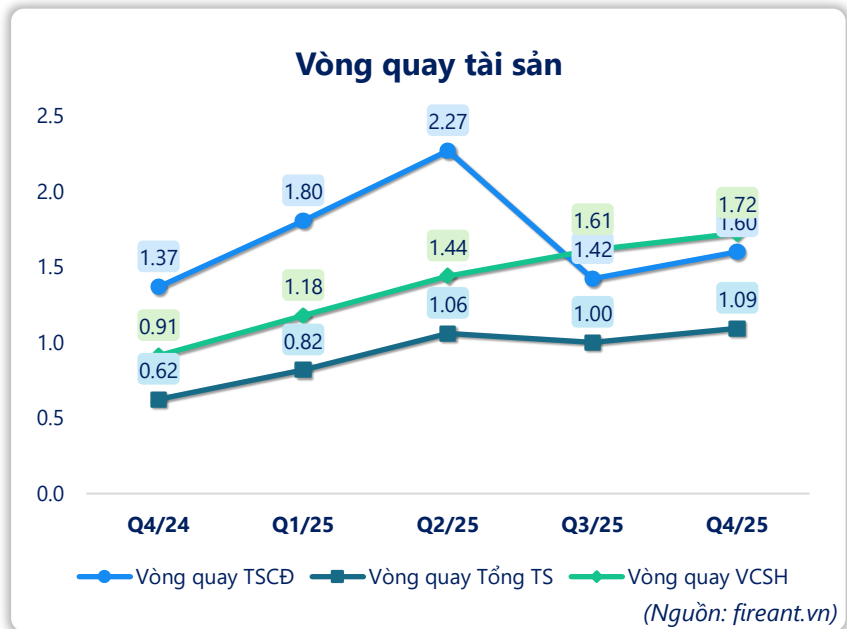
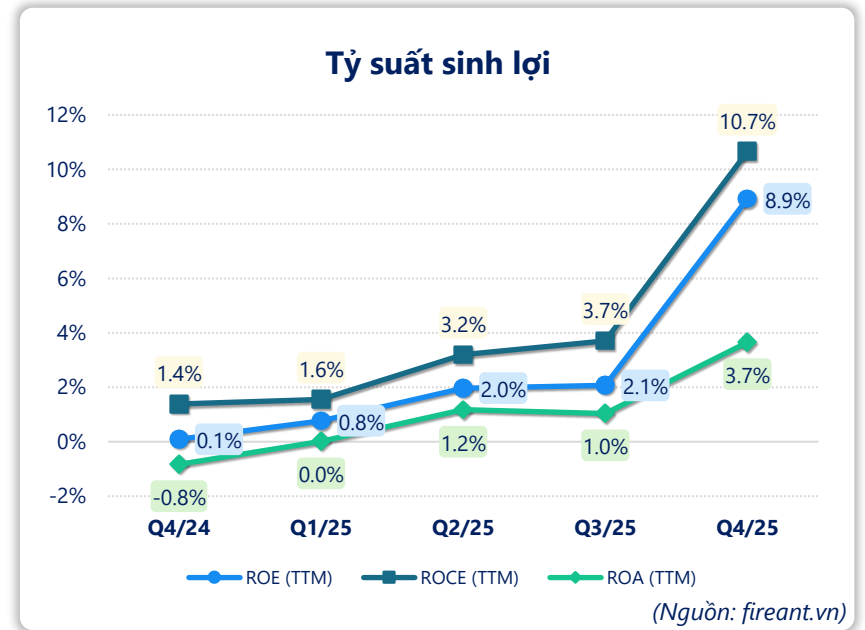
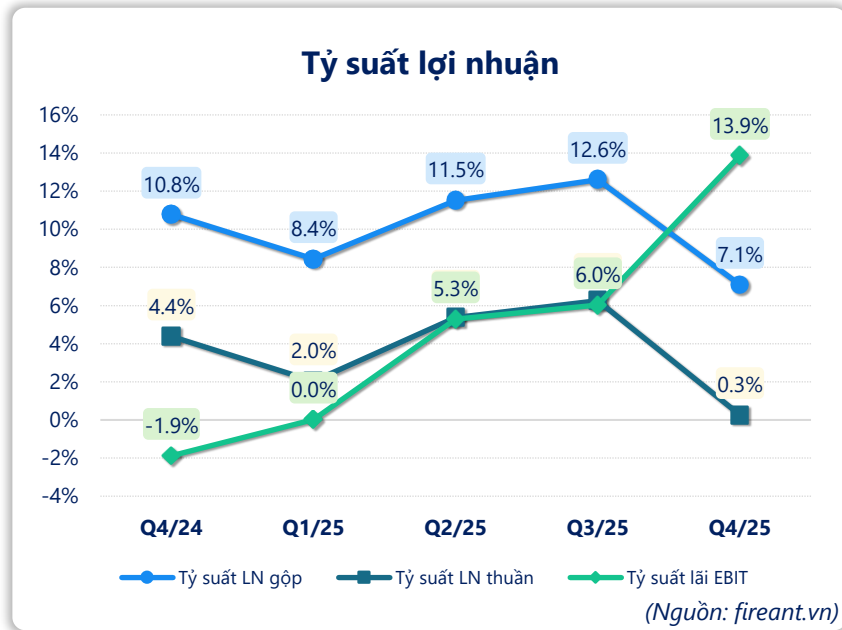
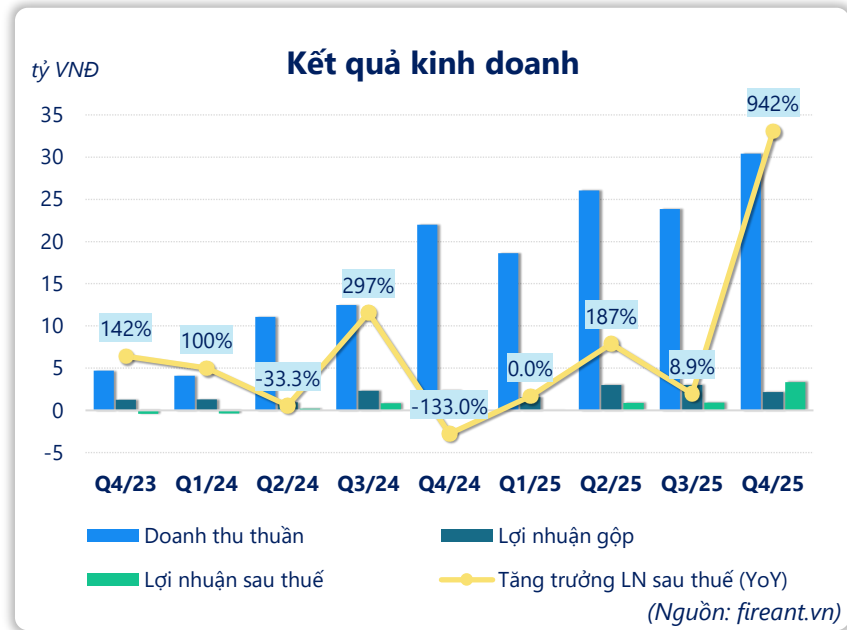


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,500
SL cổ phiếu LH		3,041,542
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,945
% sở hữu nước ngoài		11.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		67
P/E		13.1
EPS		1,684

	YTD	1T	3T	6T
NHC	-25.9%	6.8%	10.6%	22.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	86.8	94.1	-7.8%
Tài sản ngắn hạn	23.1	25.0	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	11.5	8.31	38.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	3.7%
Phải thu ngắn hạn	5.08	6.57	-22.8%
Hàng tồn kho	3.85	4.97	-22.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.69	5.10	-47.3%
Tài sản dài hạn	63.7	69.2	-8.0%
Phải thu dài hạn	0.47	0.47	0.0%
Tài sản cố định	59.0	64.6	-8.7%
Bất động sản đầu tư	1.14	1.18	-3.6%
Tài sản dở dang	0.76	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.28	2.87	-20.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.3	39.2	-32.9%
Nợ ngắn hạn	10.3	38.7	-73.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	6.04	37.3	-83.8%
Nợ dài hạn	16.1	0.51	3069%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.1	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	60.4	54.9	10.1%
Vốn chủ sở hữu	60.4	54.9	10.1%
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	22.0	18.6	26.0	23.9	30.4
Giá vốn hàng bán	19.6	17.0	23.0	20.8	28.2
Lợi nhuận gộp	2.37	1.57	3.00	3.01	2.16
Doanh thu HĐTC	0.06	0.08	0.04	0.04	0.10
Chi phí TC	0.02	0	0.28	0.27	0.26
Chi phí lãi vay	0	0	0.28	0.27	0.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.34	0.26	0.32	0.29	0.39
Chi phí QLDN	1.11	1.01	1.03	0.99	1.52
LN thuần từ HĐKD	0.96	0.38	1.40	1.49	0.08
Lợi nhuận khác	-1.38	-0.37	-0.31	-0.32	3.87
LN trước thuế	-0.41	0.00	1.09	1.17	3.95
Lợi nhuận sau thuế	-0.68	0.00	0.87	0.93	3.34
LNST của CĐ cty mẹ	-0.66	0.01	0.88	0.94	3.30

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.4	4.76	-0.98	0.51	2.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6.81	-25.1	0.56	0.03	4.65
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	18.0	-0.64	-0.64	-0.64
Tiền đầu kỳ	2.74	8.31	5.94	4.87	4.77
Lưu chuyển tiền thuần	5.57	-2.37	-1.06	-0.10	6.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.31	5.94	4.87	4.77	11.5

(Nguồn: fireant.vn)